TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG
Bản án số: 81/2021/DS-ST
Ngày: 10/12/2021
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Phước

2. Bà Hà Thị Kim Thu

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đỗ Thị Mộng Trinh – Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Phương T – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 171/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2021 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2021/QĐXX-DS ngày 22 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1939 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Ranh Hạt, xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và L ích hợp pháp cho nguyên đơn có Luật sư Dương Thùy Liên – Thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang do Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang phân công.

2/ Bị đơn: Ông **Trần Hữu L,** sinh năm 1963 (vắng mặt)

Bà **Nguyễn Thị Cẩm T**, sinh năm 1963 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Ranh Hạt, xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày như sau:*

Vào ngày 14/11/2020 ông Nguyễn Văn H có cho ông Trần Hữu L và vợ là Nguyễn Thị Cẩm T vay số tiền là 48.000.000 đồng, thời hạn vay là 5 tháng, lãi suất thỏa thuận là 10%/tháng. Khi vay hai bên có lập biên nhận đề ngày 14/11/2020, từ khi vay cho đến nay phía vợ chồng ông L không đóng lãi và cũng không trả gốc cho ông.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Hữu L và bà Nguyễn Thị Cẩm T phải trả cho ông số tiền vay gốc là 48.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 14/11/2020 đến ngày 14/11/2021 với lãi suất 1%/tháng, thành tiền là 5.760.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 53.760.000 đồng.

** Tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T trình bày như sau:*

Trước đây vào tháng 2/2019 vợ chồng bà có vay tiền của ông H hai lần với tổng số tiền là 30.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, theo thỏa thuận thì mỗi tháng vợ chồng bà phải trả cho ông H số tiền lãi là 3.000.000 đồng, vợ chồng bà đã trả được hơn một năm. Sau đó ông L bị bệnh nên vợ chồng bà không còn khả năng trả lãi nữa. Lúc này ông H mới tính thêm sáu tháng tiền lãi nữa là 18.000.000 đồng, cộng với số tiền gốc 30.000.000 đồng, tổng cộng là 48.000.000 đồng và yêu cầu vợ chồng bà ký tên vào biên nhận nợ đề ngày 14/11/2020, ông H nói sau này không tính lãi nữa. Bà T thừa nhận chữ ký trong tờ biên nhận ông H cung cấp đúng là chữ ký của vợ chồng bà.

Nay ông Nguyễn Văn H yêu cầu vợ chồng bà phải trả số tiền 48.000.000 đồng thì vợ chồng bà cũng đồng ý trả nhưng xin được trả dần mỗi vụ lúa 5.000.000 đồng đến khi H nợ, còn đối với tiền lãi thì vợ chồng bà T không đồng ý trả do khi ký biên nhận ông H đã tính lãi 18.000.000 đồng và nói sẽ không tính lãi nữa.

** Tại phiên tòa vị đại diện VKS phát biểu quan điểm:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy phía bị đơn đã thừa nhận ký tên vào Giấy vay tiền với nguyên đơn, mặt khác bị đơn không chứng minh được việc đóng lãi của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi theo quy định của pháp luật.

Luật sư Dương Thùy Liên – người bảo vệ quyền và L ích hợp pháp cho nguyên đơn đưa ra các chứng cứ chứng minh yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu ông Trần Hữu L và bà Nguyễn Thị Cẩm T phải trả số tiền vay 48.000.000 đồng và tiền lãi. Phía bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Hữu L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

[3] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử (HĐXX) có cơ sở nhận định như sau:

Vào ngày 14/11/2020 giữa ông Nguyễn Văn H với vợ chồng ông Trần Hữu L và bà Nguyễn Thị Cẩm T có xác lập hợp đồng vay tài sản, với nội dung ông H cho ông L, bà T vay số tiền 48.000.000 đồng, thời hạn vay là đến vụ thu hoạch lúa đông xuân năm 2021, lãi suất 10%/tháng. Đến nay đã H thời hạn vay nhưng ông L, bà T không trả gốc và lãi cho ông H nên phát sinh tranh chấp.

Xét thấy: Theo các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Cẩm T thừa nhận vợ chồng bà có ký tên vào biên nhận vay tiền với ông H đối với số tiền 48.000.000 đồng và đến nay chưa trả được số tiền này nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bà T cho rằng vợ chồng bà vay của ông H số tiền 30.000.000 đồng từ tháng 02/2019, lãi suất 10%/tháng. Hàng tháng bà có trả lãi cho ông H số tiền 3.000.000 đồng và đã trả liên tục được hơn 01 năm. Sau đó vợ chồng bà bị bệnh nên không có khả năng trả lãi tiếp cho ông H. Lúc này ông H đến nói chỉ tính tiền lãi thêm 06 tháng nữa là 18.000.000 đồng và kêu vợ chồng bà ký nhận nợ số tiền 48.000.000 đồng, sau này ông H sẽ không tính lãi nữa nên vợ chồng bà mới ký. Trong suốt thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, bà T không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh việc bà đóng lãi hàng tháng cho ông H 10%/tháng tương đương số tiền 3.000.000 đồng. Mặt khác phía ông H cũng không thừa nhận có nhận tiền lãi của bà T từ năm 2019 nên HĐXX không có cơ sở chấp nhận lời khai nại của bà T.

Bà T xác định từ sau khi ký biên nhận vay tiền với ông H ngày 14/11/2020, vợ chồng bà chưa trả cho ông H được lần nào. Như vậy ông L, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn…". Do đó nội dung khởi kiện của ông H yêu cầu ông L, bà T có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền gốc 48.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận, phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét về lãi suất: Các bên tham gia giao dịch trong hợp đồng vay tài sản thỏa thuận lãi suất 10%/tháng là quá cao so với quy định của pháp luật. Tuy nhiên tại Tòa ông H chỉ yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng từ ngày 14/11/2020 đến ngày 14/11/2021 là 12 tháng nên HĐXX ghi nhận. Cụ thể ông L, bà T có trách nhiệm liên đới trả cho ông H số tiền lãi là: 48.000.000 đồng x 1%/tháng x 12 tháng = 5.760.000 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi là 48.000.000đ + 5.760.000 đ = 53.760.000đồng.

Đối với yêu cầu của bà T xin được trả dần mỗi vụ lúa 5.000.000 đồng. Xét thấy yêu cầu này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên HĐXX không xem xét.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất và đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và L ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với các chứng cứ và quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận nghị án, HĐXX chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông L và bà T có trách nhiệm liên đới trả cho ông H số tiền gốc và lãi là 53.760.000đồng.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc ông L, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.688.000 đồng (53.760.000 đồng x 5%).

- Ông H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

Buộc ông Trần Hữu L và bà Nguyễn Thị Cẩm T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền gốc và lãi là 53.760.000 đồng (Năm mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/. Về án phí DSST:

- Ông Trần Hữu L và bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.688.000 đồng (Hai triệu, sáu trăm tám mươi tám ngàn đồng).

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.257.000 đồng (Một triệu, hai trăm năm mươi bảy ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003181 ngày 18/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

3/. Quyền kháng cáo: Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Trần Hữu L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Cúc